



Mã số: 260528/1157:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 08 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP XA LỘ HÀ NỘI**
- Địa chỉ: 191 Quang Trung, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT6.260528	0528/NT/U-COM-XLHN/1: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1199796; Y = 611822)

4. Ngày lấy mẫu: 28/05/2026

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT6.260528	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	6,95	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5,0)	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	< 3,0	20
6	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	384	1.000
7	S ^{2-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P_PO ₄ ^{3-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,20	10
9	N_NO ₃ ^{-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	7,81	50
10	N_NH ₄ ^{+(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	9,55	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



K.T. Giám Đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm